

Số: 81/BC-UBND

Thượng Quận, ngày 20 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thu, chi ngân sách xã năm 2022

Dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023

(Báo cáo trình tại kỳ họp thứ sáu HĐND xã khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026)

Că

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã Kinh Môn về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 cho xã Thượng Quận. Thực hiện NQ số 12/2021/NQ-HĐND tại kỳ họp thứ ba HĐND xã khoá XXI. Nhiệm vụ tài chính ngân sách xã năm 2022 được thực hiện trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát, vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, sự nỗ lực, tập trung của các ban ngành, đoàn thể trong lãnh đạo điều hành, công tác tài chính ngân sách xã cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương.

Căn cứ Nghị quyết của HĐND thị xã khóa II, nhiệm kỳ 2021 - 2026, tại kỳ họp thứ chín ngày 19/12/2022 về dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2023. Trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ ngân sách xã đến 19/12/2022, UBND xã báo cáo kết quả thu, chi ngân sách xã năm 2022, dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023. Nội dung cụ thể như sau:

A. PHẦN THU:

DVT : đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ / DT	Dự toán 2023
1	2	3	4	5	6
	KẾT QUẢ THU NGÂN SÁCH XÃ: (Đến ngày 19/12/2022)	22,365,342,000	16,940,989,751	75.75%	7,290,619,000
I	CÁC KHOẢN THU 100%	312,530,000	843,060,089	269.75%	472,200,000
1	Phí lệ phí	103,730,000	120,185,000	115.86%	57,200,000
	+ Lệ phí chợ	4,730,000	4,730,000	100.00%	
	+ Lệ phí Đò	84,000,000	84,000,000	100.00%	
	+ Lệ phí chứng thực giấy tờ H/chính	15,000,000	31,455,000		57,200,000
2	Thu từ quỹ đất công	165,000,000	231,690,000	140.42%	315,000,000
	+ Sản công điền, NDê, Chuối	165,000,000	231,690,000	140.42%	315,000,000
	+ Thu khác				
3	Thu khác :	43,800,000	491,185,089	1121.43%	100,000,000
	+ Thu khác (thu phạt V/Phạm ANTT, vi phạm HC, chậm nộp CQT)	10,200,000	32,620,358	319.81%	100,000,000
	+ Thu thuê, trông coi trạm phát sóng viễn thông	33,600,000	33,703,638	100.31%	

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ / DT	Dự toán 2023
1	2	3	4	5	6
	+ Thu chuyển nguồn 2021		424,861,093		
	+ Thu kết dư NS năm 2021				
II	CÁC KHOẢN THU THEO TỶ LỆ %	325,600,000	787,297,912	241.80%	498,100,000
1	Lệ phí Môn bài thu từ hộ cá thể 100%	13,800,000	12,400,000	89.86%	13,000,000
2	Thuế SD đất phi nông nghiệp 100%	13,800,000	57,990,720	420.22%	20,700,000
3	Lệ phí trước bạ ND 100%	250,000,000	270,624,225	108.25%	350,000,000
4	Thuế thu nhập cá nhân	16,000,000	393,166,619	2457.29%	36,000,000
5	Thuế GTGT hộ cá thể	32,000,000	53,116,348	165.99%	78,400,000
6	Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản				
III	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT NSX	17,000,000,000	10,531,599,750	61.95%	1,980,000,000
IV	THU BỔ SUNG NS CẤP TRÊN	4,727,212,000	4,779,032,000	101.10%	4,340,319,000
1	Thu BS cân đối chi TX	2,609,866,000	2,609,866,000	100.00%	4,340,319,000
2	Thu BS có mục tiêu	2,117,346,000	2,169,166,000	102.45%	

B. PHẦN CHI:

	KẾT QUẢ CHI NGÂN SÁCH XÃ: (Đến 19/12/2022)	22,365,342,000	14,985,751,054	67.00%	7,290,619,000
I	CHI THƯỜNG XUYỀN	5,262,342,000	4,925,095,204	93.59%	5,164,619,000
1	Hoạt động Dân quân tự vệ, an ninh trật tự:	437,550,000	344,234,681	78.67%	679,433,000
1.1	- Chi An ninh trật tự	12,450,000	53,414,900	429.04%	301,784,000
	Trong đó: + PC CAV + Đội dân phòng theo chế độ		42,214,900		253,284,000
	+ Hoạt động Ctác ANTT	12,450,000	11,200,000	89.96%	48,500,000
1.2	- Chi Quân sự	425,100,000	290,819,781	68.41%	377,649,000
	Trong đó: + Lương PC, Cbộ Qsự + DQTV+ DQCD	290,000,000	279,912,981	96.52%	284,304,000
	+ Hoạt động CTác QSự	135,100,000	10,906,800	8.07%	93,345,000
2	SN Giáo dục (TTHTCĐ)	5,000,000	2,740,000	54.80%	16,754,000
3	SN Văn hoá	10,000,000	12,679,984	126.80%	15,000,000
	Trong đó: + Hoạt động công tác VH-XH	10,000,000	12,679,984	126.80%	15,000,000
4	SN Thông tin - Truyền thanh	40,000,000	22,263,954	55.66%	24,434,000
	Trong đó: + Phụ cấp Cbộ TT - TT	25,000,000	12,605,400	50.42%	12,605,400
	+ Hoạt động CTác TT - TT	15,000,000	9,658,554	64.39%	11,828,600

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ / DT	Dự toán 2023
1	2	3	4	5	6
5	SN Thẻ dực thể thao	29,000,000	8,100,000	27.93%	15,000,000
	<i>Trong đó:</i> + Hoạt động TDTT	29,000,000	8,100,000	27.93%	15,000,000
6	SN Y tế - Dân số	16,935,000	16,935,000	100.00%	16,754,000
7	SN môi trường	20,000,000	125,208,000	626.04%	27,226,000
8	SN Kinh tế	25,000,000	15,960,000	63.84%	44,584,000
	<i>Trong đó:</i> + SN Giao thông	10,000,000	15,960,000		15,960,000
	+ SN Nông nghiệp	15,000,000		0.00%	28,624,000
9	Sự nghiệp xã hội	403,178,000	440,233,390	109.19%	393,410,000
	<i>Trong đó:</i> + Trợ cấp CBộ Hưu xã theo CDộ	348,228,000	363,283,390	104.32%	350,000,000
	+ Hỗ trợ về nhà ở đối tượng người có công				
	+ Hỗ trợ ĐTCS và hoạt động Ctác XH	54,950,000	76,950,000	140.04%	43,410,000
10	Chi QLNN Đảng, Đoàn thể	4,256,679,000	3,909,740,195	91.85%	3,912,024,000
10.1	- QLNN, HĐND - UBND	2,754,979,000	2,439,237,340	88.54%	2,473,745,000
	<i>Trong đó :</i>				
	+ Lương PC Cbộ C/chức, C/trách theo chế độ	1,607,472,000	1,902,740,269	118.37%	1,902,284,608
	+ Hoạt động QLNN, HĐND-UBND	1,147,507,000	536,497,071	46.75%	571,460,392
10.2	- Hoạt động Đảng	633,900,000	570,746,449	90.04%	572,955,000
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Lương PC Cbộ C/chức, C/trách theo chế độ	510,000,000	482,393,449	94.59%	482,676,000
	+ Hoạt động CTác Đảng	123,900,000	88,353,000	71.31%	90,279,000
10.3	- Hoạt động MTTQ	252,000,000	265,722,270	105.45%	295,864,000
	<i>Trong đó:</i> + Lương PCCbộ C/trách, bán C/trách, chi hội	185,000,000	165,315,270	89.36%	215,664,000
	+ Hoạt động CTác MTTQ	67,000,000	100,407,000	149.86%	80,200,000
10.4	- Hoạt động ĐTNiên	170,200,000	184,516,378	108.41%	140,504,000
	<i>Trong đó:</i> + Lương PCCbộ C/trách, bán C/trách, chi hội	130,000,000	114,352,501	87.96%	115,304,000
	+ Hoạt động CTác Đoàn +Trại hè	40,200,000	70,163,877	174.54%	25,200,000
10.5	- Hoạt động Hội phụ nữ	180,200,000	189,930,567	105.40%	187,664,000

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ / DT	Dự toán 2023
1	2	3	4	5	6
	Trong đó: + Lương PCCbộ C/trách, bán C/trách, chi hội	160,000,000	166,580,567	104.11%	167,464,000
	+ Hoạt động CTác hội	20,200,000	23,350,000	115.59%	20,200,000
10.6	- Hoạt động Hội Nông Dân	155,200,000	140,027,116	90.22%	144,056,000
	Trong đó: + Lương PCCbộ C/trách, bán C/trách, chi hội	135,000,000	108,177,116	80.13%	108,856,000
	+ Hoạt động công tác hội + ĐH	20,200,000	31,850,000	157.67%	35,200,000
10.7	- Hoạt động Hội Cựu chiến binh	110,200,000	119,560,075	108.49%	97,236,000
	Trong đó: + Lương PCCbộ C/trách, bán C/trách, chi hội	75,000,000	78,485,075	104.65%	77,036,000
	+ Hoạt động công tác hội	35,200,000	41,075,000	116.69%	20,200,000
11	- Hoạt động tổ chức XH:	19,000,000	27,000,000	142.11%	20,000,000
II	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN:	17,000,000,000	10,060,655,850		1,980,000,000
1	Phá dỡ Nhà lớp học cấp 4, xây mới nhà lớp học 1T1P & Bếp ăn Mầm Non	273,068,000			
2	Di chuyển đường dây 35KV looh 371 E8.6 nhánh Huế tri GPMB khu dân cư mới La xá	843,328,000			
3	Hạ tầng KT Điểm dân cư mới thôn La Xá	5,198,188,000			
4	Chi phí GPMB điểm dân cư mới thôn La Xá	5,191,975,000			
5	Hạng mục cấp điện, nước điểm dân cư mới La Xá	4,948,484,000	1,202,000,900		
6	Hỗ trợ 30% đường giao thông và rãnh thoát nước các thôn	544,957,000			
7	Cải tạo nâng cấp chợ Sấn xã Thượng Quận		60,782,000		
8	Nhà lớp học 2T6P, móng 3T trường Tiểu học		266,578,000		
9	Nâng tầng 3 Trường Tiểu học		169,890,950		
10	Nhà lớp học 2T4P trường THCS		27,614,000		
11	Các công trình phụ trợ phục vụ dân sinh		61,503,000		
12	ĐGT nổi điểm DC số 6 và số 7 thôn Khuê Bích		23,790,000		
13	Nhà lớp học 3T6P và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Thượng Quận		3,684,172,500		
14	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Thượng Quận		443,446,000		
15	Cải tạo, sửa chữa tường rào; sân bê tông trường Tiểu học		537,493,000		

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ / DT	Dự toán 2023
1	2	3	4	5	6
16	Cải tạo cống, nền đường vào UBND xã		99,725,000		
17	Phụ trợ UBND xã. Hạng mục Nhà vệ sinh và tường rào		99,642,000		
18	Cải tạo, sửa chữa hội trường trung tâm, Đài nước, khuôn viên, tường rào, sân bê tông UBND xã		496,764,000		
19	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm Non Thượng Quận, thị xã Kinh Môn		937,559,500		
20	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Tiểu học		1,372,140,000		239,072,000
21	Công trình phụ trợ trường THCS Thượng Quận. Hạng mục: Sân thể thao		577,555,000		457,532,000
22	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã				1,283,396,000
III	Chi dự phòng ngân sách xã	103,000,000	26,720,000		146,000,000
1	Chi hỗ trợ tiền ăn 80.000đồng/ ngày đối với người cách ly y tế theo NQ 68/NQ-CP (21 người)		23,720,000		
2	Chi hỗ trợ quà đối với người già và trẻ em (03 người)		3,000,000		

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Tổng số thu, chi ngân sách xã đến hết ngày 19/12/2022 chưa đạt so với kế hoạch giao đầu năm 2022. Tuy nhiên các khoản thu 100%, các khoản thu theo tỷ lệ % đều đạt cao, vượt kế hoạch giao cả năm. Nguyên nhân kết quả thu, chi chưa đạt so với dự toán là do chỉ tiêu giao của cấp trên về thu tiền sử dụng đất ở điều tiết ngân sách xã chi đầu tư công, trả nợ các công trình xây dựng cơ bản là 17 tỷ đồng, kết quả thực hiện thu đến ngày 19/12/2022 được 10,5 tỷ đồng, thiếu 6,5 tỷ đồng so với kế hoạch giao, trong đó liên quan đến 12 lô đất ở khu dân cư mới La xá người trúng đấu giá không thực hiện đúng nghĩa vụ tài chính theo quy định và đã có Quyết định số: 1365/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn về việc hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng đất của 12 lô đất tại xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn,, tỉnh Hải Dương. Chính vì vậy ảnh hưởng đến tổng số thu, chi ngân sách xã cả năm 2022.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2022 và nhiệm vụ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023./.

Nơi nhận :

- TT HĐND-UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các DB dự kỳ họp;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lượng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ / DT	Dự toán 2023
1	2	3	4	5	6